

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HS-ST
Ngày 16-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Cao Đăng Tr.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lã Anh T

Bà Hoàng Thị Ch

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị T, Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K, TP.H tham gia phiên toà: Bà Lương Quỳnh Tr - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 84/2023/HSST ngày 27/12/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HS ngày 02/01/2024 đối với các bị cáo:

Trần Minh Nh, sinh ngày 01/11/2000 tại H, nơi đăng ký thường trú: Số 67/30 Trần Nguyên H, phường Cát D, quận L, H; nơi cư trú: Số 5/88 Nguyễn Công Tr, phường H, quận L, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Lê Thị Quỳnh A; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 27/12/2023 Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh H xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị bắt tạm giam từ ngày 19/8/2023, tại Trại tạm giam Công an tỉnh H, có mặt.

Trần Văn T, sinh ngày 14/9/2000 tại H, nơi cư trú: Số 33/211 Tôn Đức Th, phường A, quận L, H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị H; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 21/9/2023 đến ngày 29/9/2023 thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- Bị hại: Anh Bùi Đức Đ, sinh năm 2000, nơi cư trú: Số 47 Đường Thống Tr, tổ Kh 3, phường N, quận K, thành phố H, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: bà Lê Thị Quỳnh A, sinh năm 1977, nơi cư trú: Số 5/88 Nguyễn Công Tr phường H, quận L, thành phố H, có mặt.

Người làm chứng: Anh Bùi Văn Th, có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do Trần Minh Nh và Bùi Đức Đ có mâu thuẫn với nhau về việc mua bán thuốc lá điện tử, Đ đã chuyển cho Nh số tiền 1.400.000đồng, nhưng Nh chưa giao thuốc lá điện tử cho Đ đúng hẹn. Sau đó, Đ và Nh đã thách thức nhau và hẹn gặp nhau để giải quyết mâu thuẫn. Sáng ngày 22/4/2023, Trần Minh Nh gọi điện thoại cho Trần Văn T nói “Đi với tao có việc một tý”. Một lúc sau, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda SCR, màu bạc, biển kiểm soát: 16N2- 6328 đến, Nh đi từ trong nhà ra và mang theo 01 (một) thanh kiếm bằng kim loại dài khoảng 60 cm, cán quấn bằng vải màu đỏ, Nh chủ động mở cốp xe và cất thanh kiếm vào trong cốp xe của T. Trên đường đi, T điều khiển xe mô tô chở Nh thì T hỏi: “Đi đâu”, Nh nói : “Đi sang đây với tao một tý, có thằng chửi và gây sự với tao”, lúc này T hiểu cùng Nh đi để đánh nhau và đồng ý. Đến khoảng 11 giờ 35 phút cùng ngày, T chở Nh đến khu vực số 47 đường Thông Tr, phường N, quận K, TP H thì Nh nhìn thấy Đ đang đứng trên vỉa hè trước cửa nhà. T dừng xe, Nh đi đến gặp Đ đứng nói chuyện, Nh và Đ tiếp tục có lời nói thách thức, chửi bới nhau. Thấy vậy, Nh nói với T đưa chìa khóa xe mô tô để mở cốp xe, T đưa chìa khóa xe cho Nh rồi Nh mở cốp xe và lấy ra 01 (một) thanh kiếm đã chuẩn bị từ trước. Nh cầm kiếm trên tay phải chạy về phía Đ và vùng kiếm chém một nhát trúng bàn tay trái của Đ. Sau đó, Nh quay lại xe mô tô của T và cất thanh kiếm vào cốp xe, rồi Nh cùng T điều khiển xe mô tô bỏ đi. Trên đường đi, Nh đã vứt thanh kiếm xuống khu vực hồ T (không nhớ rõ địa điểm) rồi đi về nhà.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 321/2023/KLTTCT-TTPYHP ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Trung tâm Pháp y H thuộc Sở y tế H, kết luận:

“Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/08/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Bùi Đức Đại tại thời điểm giám định là: 24% (Hai mươi tư phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư, trong đó: Tỷ lệ phần trăm tổn thương có thể do vết thương liền vết phẫu thuật vùng gan bàn tay trái gây nên là: 03%. Tỷ lệ phần trăm tổn thương có thể do tổn thương nhánh thần kinh trụ trái gây nên là: 11%. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tổn thương nhánh thần kinh giữa trái gây nên là: 11%. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do mẻ đầu xa xương bàn III tay trái gây nên là: 01%. Tổn thương gân gấp ngón II, III, IV, V đã được phẫu thuật nối gân đứt hiện tại mất vận động gấp duỗi, dạng khép các ngón II, III, IV, V bàn tay trái (Bệnh nhân cần đi tập phục hồi chức năng), không gây cứng khớp, không có hướng dẫn tỷ lệ phần

trăm tổn thương cơ thể tại Thông tư hiện hành nên không có căn cứ tính tỷ lệ phân trăm tổn thương cơ thể. Các thương tích trên có đặc điểm do vật sắc tác động trực tiếp gây nên”.

Ngày 21/9/2023, Trần Văn T có đơn xin đầu thú. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Trần Văn T và Trần Minh Nh đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung trên. Nguồn gốc xe mô tô nhãn hiệu Honda SCR màu bạc BKS 16N2-6328 mà Trần Văn T đã điều khiển chở Trần Minh Nh đi để gây thương tích cho Đ là do T mượn của Nh được khoảng 10 ngày trước khi sự việc xảy ra, với mục đích dùng làm phương tiện đi lại. Chiếc xe mô tô trên là của bà Lê Thị Quỳnh A, là mẹ đẻ của Trần Minh Nh. Việc Nh và T sử dụng xe mô tô trên để thực hiện hành vi gây thương tích thì bà Quỳnh A không biết. Ngoài ra, Trần Văn T khai đã cùng gia đình tự nguyện bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho bị hại Trần Đức Đ.

Về vật chứng của vụ án: Chuyển Chi cục Thi hành án dân sự quận K: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SCR, màu bạc, biển kiểm soát: 16N2- 6328. Đối với hung khí là 01 thanh kiếm bằng kim loại dài khoảng 60cm, cán quấn bằng vải màu đỏ, Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được.

Về vấn đề dân sự: Anh Bùi Đức Đ đã cung cấp cho Cơ quan điều tra - Công an quận K các biên lai thu tiền, hóa đơn mua hàng, bảng kê chi phí khám chữa bệnh nội trú của anh Đ trong quá trình điều trị thương tích tại bệnh viện. Tổng số tiền từ các hóa đơn mà anh Đ đã cung cấp là 20.678.638 đồng. Anh Bùi Đức Đ yêu cầu các đối tượng Trần Minh Nh bồi thường số tiền là 200.000.000 đồng, Trần Văn T bồi thường số tiền là 70.000.000 đồng. Bao gồm tiền chi phí nằm viện, tiền thuốc điều trị, tiền điều trị vật lý trị liệu và tổn thất về tinh thần.

Bản Cáo trạng số 01/CT-VKSKA ngày 26/12/2023, Viện Kiểm sát nhân dân quận K đã truy tố Trần Minh Nh và Trần Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền công tố luận tội và tranh luận: Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận giám định pháp y; kết quả khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội Cố ý gây thương tích. Do đó, Viện Kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với Trần Minh Nh và Trần Văn T về tội Cố ý gây thương tích, quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, Trần Minh Nh và Trần Văn T không phải chịu tình tiết tăng nặng. Tại phiên tòa bị cáo Trần Minh Nh đã bồi thường cho bị hại số tiền 30.000.000 đồng; bị cáo Trần Văn T đã bồi thường cho bị hại số tiền 30.000.000 đồng và 10.000.000 đồng T đã nộp bồi thường cho anh Đ tại Cơ quan điều tra, tổng cộng là 40.000.000 đồng; bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo T, sau khi phạm tội T đã ra đầu thú. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, bị cáo Trần Minh Nh được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật

Hình sự; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Minh Nh từ 42 đến 48 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 30 tháng đến 36 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội Cố ý gây thương tích và ấn định thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 584 và 590 Bộ luật Dân sự chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường của bị hại, bao gồm:

- Tiền thuốc, viện phí: 20.687.500 đồng;
- Tiền bồi dưỡng sức khỏe: 7 ngày x 150.000đ = 1.050.000 đồng
- Tiền thu nhập thực tế bị mất của bị hại: 7 tháng x 9.000.000đ = 63.000.000 đồng
- Tiền thu nhập của người chăm sóc: 7 ngày x 400.000đ = 2.800.000 đồng
- Tiền Dao mổ: 5.000.000 đồng
- Tiền bù đắp tổn thất tinh thần: 15 tháng lương cơ sở x 1.800.000đ = 27.000.000đ.
- Tiền xe đi lại đi cấp cứu: 3.000.000 đồng
- Tiền xe khách: 8 lần x 2 người x 180.000đ = 2.880.000 đồng;
- Tiền phục hồi chức năng: 569.778 đồng x 4 lần = 2.279.000 đồng
- Tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe: 50.000đ/ngày x 30 ngày = 1.500.000đồng

Tổng cộng: 129.196.000 đồng (làm tròn).

Buộc các bị cáo Nh và T phải liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 129.196.000 đồng. Bị cáo T đã đồng ý bồi thường cho Đ 60.000.000 đồng, tại phiên tòa T đã bồi thường 30.000.000đồng và 10.000.000 đồng T đã nộp tại Cơ quan điều tra Công an quận K, tổng cộng là 40.000.000 đồng. Buộc Nh phải bồi thường cho Đ số tiền 69.196.000đồng, tại phiên tòa bị cáo Nh đã bồi thường cho bị hại số tiền 30.000.000đồng. Bị cáo Nh còn phải bồi thường tiếp cho bị hại số tiền 39.196.000đồng, bị cáo T phải bồi thường tiếp cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng.

Về vật chứng: Trả cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng bị cáo T đã nộp bồi thường; trả lại bà Lê Thị Quỳnh A xe mô tô Honda SCR biển kiểm soát 16N2-6328 theo Biên bản giao vật chứng của Chi cục Thi hành án.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành

vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết quả khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định thương tích và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 11 giờ 35 phút ngày 22/4/2023, tại trước cửa nhà số 47 đường Thống Tr, phường N, quận K, thành phố H, Trần Minh Nh và Trần Văn T đã thực hiện hành vi dùng kiếm chém vào bàn tay trái của anh Bùi Đức Đ làm cho anh Đ bị tổn thương cơ thể là 24%. Hành vi của các bị cáo phải được đánh giá là dùng hung khí nguy hiểm. Do đó, hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Viện Kiểm sát nhân dân quận K đã truy tố Trần Minh Nh và Trần Văn T ra trước Tòa án nhân dân quận K để xét xử về tội danh, theo điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến quyền được tôn trọng và bảo vệ sức khỏe của công dân và còn gây mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy pháp luật yêu cầu phải xử lý nghiêm để cải tạo giáo dục các bị cáo và đáp ứng yêu cầu phòng ngừa chung. Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử đánh giá vai trò và nhân thân của các bị cáo như sau:

[3] Đối với Trần Minh Nh là người khởi xướng, chuẩn bị hung khí, rủ Trần Văn T cùng tham gia và đã thực hiện hành vi dùng kiếm chém vào bàn tay trái của anh Bùi Đức Đ. Nhân thân bị cáo sau khi phạm tội đến ngày 14/8/2023, bị Công an huyện T, tỉnh H bắt tạm giam về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy. Ngày 27/12/2023 Tòa án nhân dân huyện T đã xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (Bản án chưa có hiệu lực pháp luật). Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất trong vụ án. Vì vậy, cần xét xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc và tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên tòa bị cáo và gia đình đã bồi thường cho bị hại số tiền 30.000.000 đồng. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Đối với Trần Văn T phạm tội với vai trò giúp sức không đáng kể trong vụ án (điều khiển xe mô tô chở Nh), khi Trần Minh Nh đuổi chém anh Đ thì T đứng ở xe không tham gia. Về Trách nhiệm hình sự của bị cáo T trong vụ án là thấp hơn so với bị cáo Nh.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, mà được hưởng các tình tiết giảm nhẹ. Bị cáo là người có nhân thân

tốt, thể hiện bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo nhất thời phạm tội do bị rủ rê lôi kéo. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã ra đầu thú; tự nguyện bồi thường thiệt hại số tiền 40.000.000 đồng và bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Vì vậy, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét bị cáo hiện đang tại ngoại, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, có thể tự cải tạo dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương. Do đó, cần xem xét, khoan hồng áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Trần Văn T được cải tạo ở ngoài xã hội là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại phải điều trị nội trú 02 lần, tất cả là 7 ngày, yêu cầu Nh phải bồi thường 200 triệu đồng, T phải bồi thường 60.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu bồi thường của bị là cao so với quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 584; Điều 587 và 590 Bộ luật Dân sự, chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường của bị hại buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại như sau:

- Tiền thuốc, viện phí theo hóa đơn: 20.687.500 đồng
 - Tiền bồi dưỡng sức khỏe: 7 ngày x 150.000đ = 1.050.000 đồng
 - Tiền thu nhập của bị hại do chưa đi làm được: 7 tháng x 9.000.000đ = 63.000.000 đồng
 - Tiền thu nhập của người chăm sóc: 7 ngày x 400.000đ = 2.800.000 đồng
 - Dao mổ: 5.000.000 đồng
 - Tiền bù đắp tổn thất tinh thần bị hại: 15 tháng lương cơ sở x 1.800.000đ = 27.000.000 đồng.
 - Tiền xe cứu thương 115 = 3.000.000 đồng
 - Tiền xe khách: 8 lần x 2 người x 180.000đ = 2.880.000 đồng;
 - Tiền phục hồi chức năng: 569.778 đồng x 4 lần = 2.279.000 đồng
 - Tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe: 50.000đ/ngày x 30 ngày = 1.500.000đ
- Tổng cộng: 129.196.000 đ (làm tròn).

Tại phiên tòa bị hại đồng ý với số tiền bồi thường nêu trên và không có ý kiến gì. Bị cáo T đồng ý bồi thường cho anh Đ số tiền 60.000.000 đồng, tại phiên Tòa đã bồi thường 30.000.000 đồng và 10.000.000 đồng T đã nộp bồi thường cho anh Đ tại Cơ quan Điều tra Công an quận K, tổng cộng là 40.000.000 đồng. Buộc bị cáo T phải bồi thường tiếp cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng. Buộc Nh phải bồi thường cho anh Đ số tiền 69.196.000 đồng, tại phiên tòa Nh đã bồi thường 30.000.000 đồng. Buộc bị cáo Nh phải bồi thường tiếp cho anh Đ số tiền 39.196.000 đồng là phù hợp.

[7] Về vật chứng: Trả cho anh Đ số tiền 10.000.000 đồng bị cáo T đã nộp bồi thường; trả lại bà Lê Thị Quỳnh A xe mô tô Honda SCR biển kiểm soát 16N2-6328 theo Biên bản giao vật chứng của Chi cục Thi hành án.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Trần Minh Nh 42 (*Bốn mươi hai*) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 18/8/2023.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Trần Văn T 30 (*Ba mươi*) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60 (*Sáu mươi*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường A, quận L, thành phố H giám sát giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 146/HSST-LCĐKNCT ngày 28/12/2023 đối với bị cáo Trần Văn T.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584; Điều 587 và 590 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Trần Minh Nh phải bồi thường tiếp cho anh Bùi Đức Đ số tiền 39.196.000 (*Ba mươi chín triệu một trăm chín mươi sáu nghìn đồng*). Buộc bị cáo Trần Văn T phải bồi thường tiếp cho anh Bùi Đức Đ số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tính theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 3 Điều 106 bộ luật tố tụng hình sự; điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự: Trả cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng bị cáo T đã nộp bồi thường; trả lại bà Lê Thị Quỳnh A xe mô tô Honda SCR biển kiểm soát 16N2-6328 theo Biên bản giao vật chứng của Chi cục Thi hành án.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Minh Nh phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.960.000 đồng (*Một triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi liên quan;
- VKSND quận K;
- VKSND TP.H;
- Sơ Tư pháp H;
- Công an quận K;
- Chi cục THA dân sự K;
- TAND TP.H;
- Lưu: Hồ sơ, VT, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Đăng Tr

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Biên

Bùi Thị Bình

Cao Đặng Trình